

Số: /TTr-STNMT

Lạng Sơn, ngày tháng 01 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc giải quyết thủ tục hành chính đề nghị cấp điều chỉnh
Giấy phép môi trường của dự án Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải
sinh hoạt sử dụng lò đốt bằng không khí tự nhiên SANKYO NFI-05 (120)
SERIES 3 NEW 2013 và lò đốt rác SH-1000-TL**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 48/GP-UBND ngày 31/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho dự án Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng lò đốt bằng không khí tự nhiên SANKYO NFI-05 (120) SERIES 3 NEW 2013 và lò đốt rác SH-1000-TL;

Xem xét Công văn số 3012/CV-TL ngày 30/12/2024 của Công ty TNHH xây dựng Thành Linh về việc đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường của dự án “Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng lò đốt bằng không khí tự nhiên SANKYO NFI-05 (120) SERIES 3 NEW 2013 và lò đốt rác SH-1000-TL”, nộp tại Trung tâm phục vụ hành chính công hình thức trực tuyến toàn trình;

Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo và trình Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

I. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH

Công ty TNHH xây dựng Thành Linh (Chủ dự án) đề nghị điều chỉnh nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải, cụ thể:

1. Điều chỉnh nội dung tại tiểu mục 2.2, mục 2, phần I Phụ lục 02 Giấy phép môi trường số 48/GP-UBND (về Dòng khí thải, vị trí xả khí thải)

“I. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.2. Dòng số 2 (Khí thải phát sinh từ lò đốt SANKYO NFI-05 (120) SERIES 3 NEW 2013 số 1 và số 2)

2.2.1. Vị trí xả thải

a, Vị trí xả khí thải: Tại ống khói của lò đốt SANKYO NFI-05 (120) SERIES 3 NEW 2013 số 1 và số 2, thuộc địa phận thôn Lạng Giai A, xã Nhân Lý, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

b, Tọa độ vị trí xả thải của dự án (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$, múi chiếu 3°): $X(m) = 2.400.124$; $Y(m)=438.843$

2.2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Lưu lượng xả thải lớn nhất: $102.296 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ ”

Đồng thời, điều chỉnh bỏ tiêu mục 2.3 phần I Phụ lục 02 Giấy phép môi trường số 48/GP-UBND (dòng số 03, phát sinh từ lò đốt SANKYO NFI-05 (120) SERIES 3 NEW 2013 số 02), do không còn xả khí thải trực tiếp từ lò đốt SANKYO NFI-05 số 02 mà đầu nối xử lý chung với khí thải lò đốt SANKYO NFI-05 số 01 (qua tháp dập bụi, tháp hấp thụ), sau đó xả thải ra môi trường qua 01 ống khói (hiện chưa lắp đặt).

- Lý do điều chỉnh: Chủ dự án bổ sung thêm hệ thống xử lý khói khí thải chung cho 02 lò đốt SANKYO NFI-05 (120) SERIES 3 NEW 2013, đưa 02 dòng khí thải về chung một nguồn phát thải (kèm theo Báo cáo thuyết minh điều chỉnh).

2. Điều chỉnh nội dung tại tiết b, tiểu mục 1.1 và tiết b, tiểu mục 1.2 mục 1 và mục 2, phần II phụ lục 02 Giấy phép môi trường số 48/GP-UBND (về Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải; Kế hoạch vận hành thử nghiệm)

“II. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải được thể hiện qua sơ đồ sau:

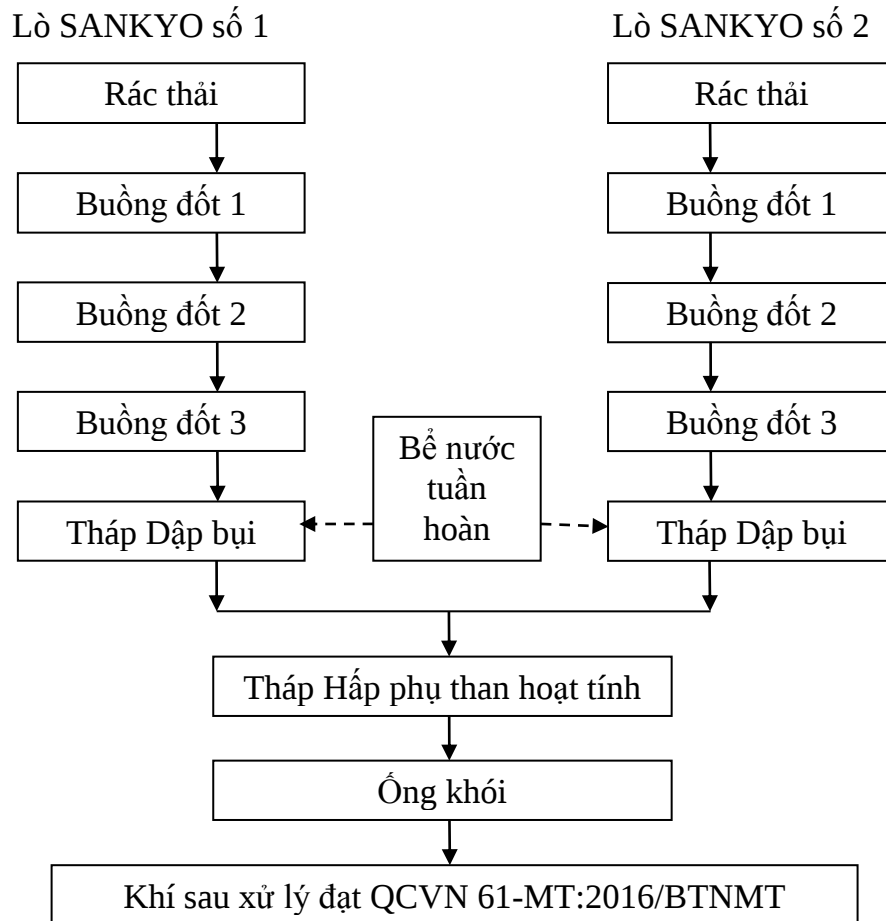
b, Đối với Lò đốt SANKYO NFI-05 (120) SERIES 3 NEW 2013 số 01 và số 02

Dòng khí thải (tro, bụi, CO_2 , SO_2 , NO_2 , ...) $\rightarrow$ Buồng đốt 1 $\rightarrow$ Buồng đốt 2 $\rightarrow$ Buồng đốt 3 $\rightarrow$ Tháp Dập bụi $\rightarrow$ Tháp Hấp thụ $\rightarrow$ Ống khói.

1.2 Công trình, thiết bị xử lý khí thải

b, Lò đốt SANKYO NFI-05 (120) SERIES 3 NEW 2013

Tóm tắt quy trình công nghệ



2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

STT	Hạng mục công trình	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được tại thời điểm kết thúc quá trình vận hành thử nghiệm
1	Hệ thống xử lý khí thải của lò đốt rác SH-1000-TL	Thời gian bắt đầu sau khi hoàn thành xây dựng các công trình bảo vệ môi trường	Sau 06 tháng khi bắt đầu vận hành thử nghiệm	Từ 50% đến 80%
2	Hệ thống xử lý khí thải của 02 lò SANKYO NFI-05 (120) SERIES 3 NEW 2013			

2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm

a) Vị trí lấy mẫu:

+ Vị trí số 1: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải của lò SH-1000-TL, tọa độ $X(m) = 2.400.128$; $Y(m) = 438.811$ (sử dụng hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $107^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

+ Vị trí số 2: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải của 02 lò SANKYO, tọa độ $X(m) = 2.400.124$; $Y(m) = 438.843$ (sử dụng hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $107^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

b) Tần suất lấy mẫu, chất ô nhiễm, giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm, quy chuẩn so sánh, cụ thể như sau:

Vị trí giám sát	Thời gian lấy mẫu và phân tích mẫu (dự kiến)	Chỉ tiêu đo đạc, quan trắc	Quy chuẩn so sánh
Tại 02 vị trí của 02 ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải	- Lấy mẫu: 06 mẫu/03 ngày liên tiếp. - Thời gian quan trắc: giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải	Bụi tổng; Axit Clohydric, HCl; Cacbon monoxyt, CO; Lưu huỳnh dioxyt, SO ₂ ; Nitơ oxyt, NO _x (tính theo NO ₂); Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg; Cadimi và hợp chất tính theo Cadimi, Cd; Chì và hợp chất tính theo chì, Pb; Tổng đioxin/furan, PCDD/PCDF	QCVN 61-MT:2016/BTNMT

- Lý do điều chỉnh: Chủ dự án bổ sung thêm hệ thống xử lý khói khí thải chung cho 02 lò đốt SANKYO NFI-05 (120) SERIES 3 NEW 2013, đưa 02 dòng khí thải về chung một nguồn phát thải. Hệ thống xử lý khói khí thải được chủ đầu tư lựa chọn để xử lý sau buồng đốt là tháp dập bụi kết hợp bể nước tuần hoàn có chứa nước vôi, khí thải tiếp tục đưa về tháp hấp phụ có lớp than hoạt tính, làm tăng khả năng xử lý giúp khí thải sau xử lý đạt hiệu quả tốt hơn khi xả ra ngoài môi trường. Do có sự thay đổi về công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải nên phải điều chỉnh lại Kế hoạch vận hành thử nghiệm của dự án (kèm theo Báo cáo thuyết minh điều chỉnh).

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Sau khi nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường đã xem xét, có Công văn số 3973/STNMT-MT ngày 31/12/2024 gửi tới các cơ quan liên quan cho ý kiến đánh giá theo lĩnh vực ngành quản lý. Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến và rà soát toàn bộ hồ sơ, kết quả thẩm định:

1. Đối với nội dung điều chỉnh tại tiểu mục 2.2, mục 2, phần I phụ lục 02 Giấy phép môi trường số 48/GP-UBND (về Dòng khí thải, vị trí xả khí thải):

Nội dung đề nghị điều chỉnh phù hợp với yêu cầu về xử lý chất thải, bảo vệ môi trường do việc lắp đặt thêm hệ thống xử lý khói khí thải không làm thay đổi kết cấu có sẵn của lò đốt; việc thay đổi về dòng khí thải, vị trí, lưu lượng xả khí thải tối đa thuộc trường hợp thay đổi nội dung Giấy phép môi trường đã được cấp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường và thuộc trường hợp **phải thực hiện điều chỉnh Giấy phép môi trường** của dự án theo quy định tại điểm a¹ khoản 2 Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Đối với nội dung điều chỉnh tại tiết b, tiểu mục 1.1 và tiết b, tiểu mục 1.2 mục 1 và mục 2, phần II phụ lục 02 Giấy phép môi trường số

¹ Điều 44. *Cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, tước quyền sử dụng, thu hồi giấy phép môi trường*

2. Giấy phép môi trường được xem xét điều chỉnh trong thời hạn của giấy phép khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) *Thay đổi nội dung cấp phép quy định tại khoản 2 Điều 40 của Luật này theo đề nghị của chủ dự án đầu tư, cơ sở hoặc theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.*

48/GP-UBND (về Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải; Kế hoạch vận hành thử nghiệm):

Do có sự thay đổi về công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải, chủ dự án đã có Báo cáo thuyết minh gửi kèm, đồng thời dẫn chứng các căn cứ liên quan: Mô hình công nghệ xử lý khí thải lò đốt đã được ứng dụng tại các huyện Yên Thế, huyện Sơn Động, huyện Lục Ngạn, huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang và các huyện trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn như huyện Văn Quan, huyện Đình Lập (đang sử dụng lò đốt của Công ty Cổ phần tập đoàn công nghệ T-Tech Việt Nam) có hệ thống xử lý khí thải lò đốt sử dụng thiết bị tách nước bụi và tháp hấp phụ than hoạt tính làm công nghệ xử lý. Ngoài ra, tại Công văn số 1498/BKHCN-ĐTĐG ngày 28/4/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ có đánh giá và đề nghị đối với Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt bằng không khí đối lưu tự nhiên GFC-SANKYO NFi-05: “*Khi sử dụng Lò đốt chất thải rắn GFC-SANKYO NFi-05 cần phải bố trí thêm các công đoạn phân loại rác thải đầu vào, **bổ trí các thiết bị xử lý khí, khói bụi, nước thải và tro xỉ...** đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam..*”. Căn cứ theo QCVN 61-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn sinh hoạt: “*Lò đốt phải có hệ thống xử lý khí thải với quy trình hoạt động bao gồm các công đoạn chính sau: **a, Giải nhiệt (hạ nhanh nhiệt độ); b, Xử lý bụi; c, Xử lý các thành phần độc hại trong khí thải.** Các công đoạn nêu trên được thực hiện riêng trong từng thiết bị hoặc kết hợp đồng thời chung thiết bị*”, “*Lò đốt CTNSH phải lắp thiết bị đo, hiển thị nhiệt độ trong các vùng đốt. Đối với lò đốt có công suất lớn hơn hoặc bằng 500kg/h phải lắp thiết bị đo, hiển thị nhiệt độ dòng khí thải ngay sau bộ phận giải nhiệt*”. Như vậy, việc lắp đặt thêm hệ thống xử lý khí thải chung cho 02 lò đốt SANKYO NFI-05 (120) SERIES3 NEW 2013 có mục tiêu nhằm đạt hiệu quả xử lý khí thải tốt hơn trước khi xả ra môi trường, phù hợp với các viện dẫn căn cứ nêu trên.

Qua xem xét thuyết minh thiết kế thông số kỹ thuật lò đốt và các hạng mục đầu tư xử lý khí thải từ 02 lò đốt SANKYO NFI-05 đã được diễn giải cơ bản đầy đủ trong Báo cáo thuyết minh của Chủ dự án. Nội dung đề nghị điều chỉnh về công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải cơ bản phù hợp; do có sự thay đổi về công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải nên phải điều chỉnh lại Kế hoạch vận hành thử nghiệm của dự án là đảm bảo theo quy định tại khoản 2² Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

III. NỘI DUNG TRÌNH

Từ những nội dung trên, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

² Điều 46. Công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư sau khi được cấp giấy phép môi trường

2. Chủ dự án đầu tư có công trình xử lý chất thải quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, sau khi được cấp giấy phép môi trường, phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm toàn bộ dự án đầu tư hoặc cho từng phân kỳ đầu tư của dự án (nếu có) hoặc cho hạng mục công trình xử lý chất thải độc lập của dự án để đánh giá sự phù hợp và đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 48/GP-UBND ngày 31/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn cấp cho Công ty TNHH xây dựng Thành Linh (*Địa chỉ: Km155-200, Quốc lộ 279, khu Hợp Tiến, thị trấn Đồng Mô, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn*), chi tiết tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 48/GP-UBND ngày 31/10/2023.

2. Công ty TNHH xây dựng Thành Linh tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 48/GP-UBND ngày 31/10/2023 và các nội dung tại Giấy phép điều chỉnh.

(Có dự thảo Giấy phép điều chỉnh kèm theo)

Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn;
- Công ty TNHH xây dựng Thành Linh;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Đăng ký đất đai (đăng Website);
- Cán bộ đầu mối theo dõi;
- Lưu: VT, MT_(HNA).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Trục

Phụ lục

NỘI DUNG CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Tờ trình số:/TTr-STNMT ngày/01/2025 của Sở TN&MT)

I. ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI TẠI PHỤ LỤC 02

1.1. Điều chỉnh nội dung tại tiểu mục 2.2, mục 2 phần I Phụ lục 02 Giấy phép môi trường số 48/GP-UBND như sau:

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.2. Dòng số 2 (Khí thải phát sinh từ lò đốt SANKYO NFI-05 (120) SERIES 3 NEW 2013 số 1 và số 2).

2.2.1. Vị trí xả thải

a, Vị trí xả khí thải: Tại ống khói của lò đốt SANKYO NFI-05 (120) SERIES 3 NEW 2013 số 1 và số 2, thuộc địa phận thôn Lạng Giai A, xã Nhân Lý, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

b, Tọa độ vị trí xả thải của dự án (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$, múi chiều 3°): $X(m) = 2.400.124$; $Y(m) = 438.843$

2.2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Lưu lượng xả thải lớn nhất: 102.296 m³/ngày.đêm.

1.2. Điều chỉnh bỏ tiểu mục 2.3 phần I Phụ lục 02 Giấy phép môi trường số 48/GP-UBND (dòng số 03, phát sinh từ lò đốt SANKYO NFI-05 (120) SERIES 3 NEW 2013 số 02).

1.3. Điều chỉnh nội dung tại tiết b, tiểu mục 1.1 và tiết b, tiểu mục 1.2 mục 1 và mục 2, phần II Phụ lục 02 Giấy phép môi trường số 48/GP-UBND như sau:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải được thể hiện qua sơ đồ sau:

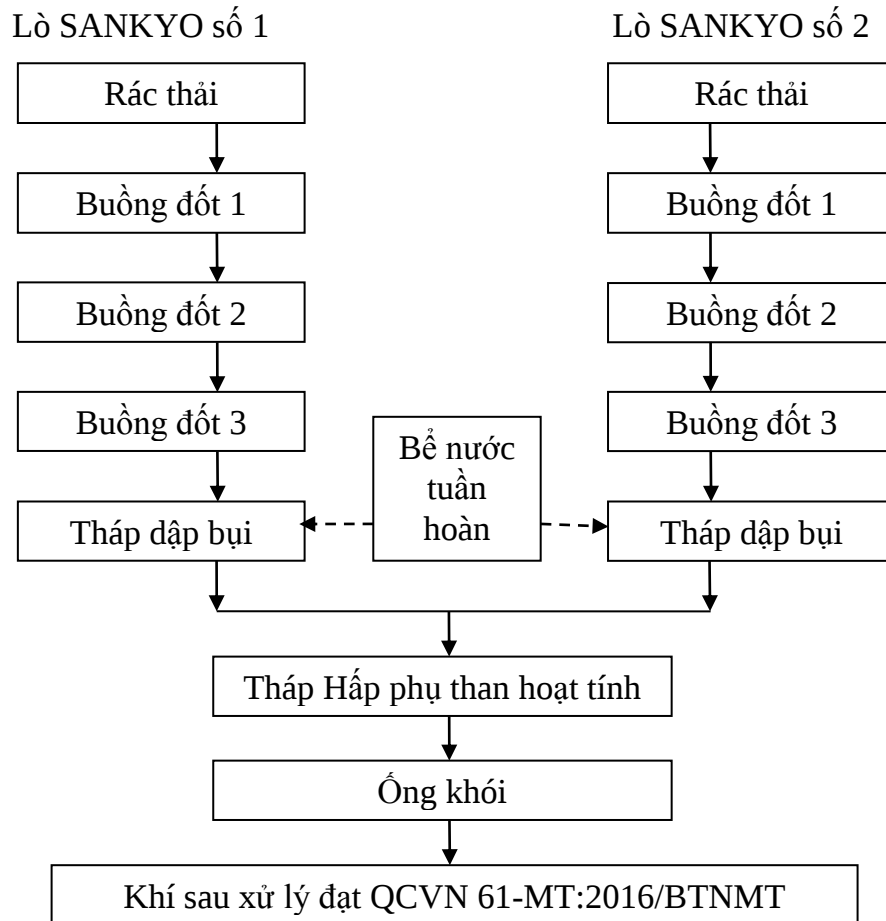
b, Đối với Lò đốt SANKYO NFI-05 (120) SERIES 3 NEW 2013 số 01 và số 02

Dòng khí thải (tro, bụi, CO₂, SO₂, NO₂,...) → Buồng đốt 1 → Buồng đốt 2 → Buồng đốt 3 → Tháp Dập bụi → Tháp Hấp thụ → Ống khói.

1.2 Công trình, thiết bị xử lý khí thải

b, Lò đốt SANKYO NFI-05 (120) SERIES 3 NEW 2013

Tóm tắt quy trình công nghệ



2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

STT	Hạng mục công trình	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được tại thời điểm kết thúc quá trình vận hành thử nghiệm
1	Hệ thống xử lý khí thải của lò đốt rác SH-1000-TL	Thời gian bắt đầu sau khi hoàn thành xây dựng các công trình bảo vệ môi trường	Sau 06 tháng khi bắt đầu vận hành thử nghiệm	Từ 50% đến 80%
2	Hệ thống xử lý khí thải của 02 lò SANKYO NFI-05 (120) SERIES 3 NEW 2013			

2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm

a) Vị trí lấy mẫu:

+ Vị trí số 1: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải của lò SH-1000-TL, tọa độ $X(m) = 2.400.128$; $Y(m) = 438.811$ (sử dụng hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $107^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

+ Vị trí số 2: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải của 02 lò SANKYO, tọa độ $X(m) = 2.400.124$; $Y(m) = 438.843$ (sử dụng hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $107^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

b) Tần suất lấy mẫu, chất ô nhiễm, giá trị giới hạn cho phép của chất ô

nhiệm, quy chuẩn so sánh, cụ thể như sau:

Vị trí giám sát	Thời gian lấy mẫu và phân tích mẫu (dự kiến)	Chỉ tiêu đo đạc, quan trắc	Quy chuẩn so sánh
Tại 02 vị trí của 02 ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải	- Lấy mẫu: 06 mẫu/03 ngày liên tiếp. - Thời gian quan trắc: giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải	Bụi tổng; Axit Clohydric, HCl; Cacbon monoxyt, CO; Lưu huỳnh dioxyt, SO ₂ ; Nito oxyt, NO _x (tính theo NO ₂); Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg; Cadimi và hợp chất tính theo Cadimi, Cd; Chì và hợp chất tính theo chì, Pb; Tổng đioxin/furan, PCDD/PCDF	QCVN 61-MT:2016/BTNMT

II. CÁC YÊU CẦU VÀ ĐIỀU KIỆN KÈM THEO ĐỐI VỚI NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

- Thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống lò đốt rác thải sinh hoạt, đảm bảo đáp ứng các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn sinh hoạt QCVN 61- MT:2016/BTNMT; trường hợp có Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế QCVN 61-MT:2016/BTNMT thì áp dụng thực hiện theo quy định mới.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về các thông tin trong hồ sơ, báo cáo kịp thời đến cơ quan cấp Giấy phép môi trường trong trường hợp có sự thay đổi khác với các nội dung đã được cấp phép./.